

Bản án số: 67/2017/DS-PT
Ngày 28 tháng 7 năm 2017
V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Việt Tiến

Các Thẩm phán: Ông: Vũ Anh Tuấn

Bà: Nguyễn Thị Thuỳ Hương

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Tấn - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ: Bà Tôn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Các ngày 29/6/2017 và ngày 28/7/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2017/DS-PT ngày 04 tháng 5 năm 2017 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2017/DS-ST ngày 21/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2017/QĐXX-PT ngày 16/6/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Cụ Phan Văn P - sinh năm 1927.

Địa chỉ: Khu 3, xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Văn Phùng - sinh năm 1954

Địa chỉ: Tổ 43, phường H Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

2. Bị đơn: Anh Phan Văn H - sinh năm 1967

Địa chỉ: Khu 3, xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. NLQ1 - sinh năm 1929

Địa chỉ: Khu 3, xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền cho NLQ1: Ông Phan Văn Phùng – sinh năm 1954

Địa chỉ: Tổ 43, phường H Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

3.2. NLQ2 – sinh năm 1967

Địa chỉ: Khu 3, xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền cho NLQ2: Anh Phan Văn H (chị Thu là vợ anh H)

3.3. NLQ3 - sinh năm 1927

Địa chỉ: Khu 3, xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

3.4. NLQ4 – sinh năm 1976

Địa chỉ: Khu 3, xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

3.5. NLQ5 – sinh năm 1970

Người đại diện theo ủy quyền cho NLQ5: NLQ4 – sinh năm 1976 (Chị Tính là vợ anh Hùng)

3.6. NLQ6: Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Khoa Tạo – Chủ tịch NLQ6, huyện Cẩm Khê.

3.7. NLQ7, tỉnh Phú Thọ

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc Tùng – Chức vụ: Trưởng phòng tài nguyên môi trường huyện Cẩm Khê.

(Ông Phùng có mặt tại phiên toà các ngày 29/6 và 28/7, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt tại các phiên toà nhưng có mặt tại phiên toà ngày 28/7/2017. Các đương sự khác không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/7/2016 của nguyên đơn là cụ Phan Văn P và quá trình tố tụng tại Toà án người đại diện theo uỷ quyền của cụ P là ông Phan Văn Phùng trình bày: Gia đình cụ P có thửa đất số 322, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.453m² (nay là thửa số 481, tờ bản đồ số 11 - Bản đồ số hoá) tại khu 3, xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Đất đã được UBND huyện Sông Thao cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng năm 1999. Thửa đất có một chiều giáp với thửa 323A của anh Phan Văn H (Trước đây là đất của bố mẹ anh H). Trong quá trình sử dụng cụ P đã mở một lối cổng đi ra cánh đồng giáp với thửa đất của gia đình anh H từ năm 1959. Hai gia đình vẫn sử dụng làm lối đi chung (Diện tích đo thực tế là 82,57m²). Năm 2009 gia đình anh H đã rào lại chiếm làm lối đi riêng. Cụ P yêu cầu buộc anh H phải tháo dỡ, thu hoạch toàn bộ các công trình và cây cối trên đất để trả lại lối đi cho gia đình cụ.

Anh Phan Văn H trình bày: Gia đình anh có thửa đất số 323A, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.464m² (Bản đồ 299 đo vẽ năm 1984) tại khu 3 xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê (Nay là thửa số 453, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.487,1m² - Bản đồ VN 2000). Đất đã được UBND huyện Sông Thao (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng năm 1999. Đất do ông cha để lại, trong đó có cả diện tích mà cụ P đòi là lối đi. Thực tế thì gia đình anh cho gia đình cụ P đi nhờ lối đi này cho đến năm 2009 thì không cho đi nhờ nữa. Anh không chấp nhận yêu cầu đòi đất của cụ P và có yêu cầu phản tố đề nghị Toà án xác nhận lối đi trên thuộc quyền sở hữu của gia đình anh.

Cụ Nguyễn Thị Hoà trình bày: Gia đình cụ có thửa đất giáp ranh với cả hai thửa đất của cụ P và anh H là thửa đất số 452, diện tích 496,2m². Nguồn gốc phần đất tranh chấp hiện nay là của gia đình Cụ, thuộc vào diện tích của thửa đất trên. Trước đây Cụ có cho gia đình cho bố anh H rào sang một phần đất này làm lối đi, không phải đất của cụ P. Cụ xác định đã cho gia đình ông Thìn (trước đây) nay là anh H phần đất này. Và thửa đất trên cụ cũng đã cho hai cháu là Trần Văn Hùng, Trần Thị Tính nên không liên quan gì nữa.

Chị Tính, anh Hùng trình bày: Anh chị xác nhận trước đây cụ Hoà có cho gia đình anh H một phần đất giáp với thửa đất của gia đình anh H để làm lối đi. Gia đình anh H đã kê khai vào diện tích đất của gia đình. Nay cụ P và anh H tranh chấp anh chị không có ý kiến gì đối với phần đất trên.

Ý kiến của NLQ1 do ông Phùng đại diện theo uỷ quyền như ý kiến của cụ P. Ý kiến của chị Thu do anh H đại diện như ý kiến của anh H.

Ý kiến của UBND xã Thuy Liễu: Diện tích đất đang tranh chấp là 82,57m². Theo bản đồ 299, theo sổ địa chính mà địa phương đang quản lý lưu giữ và thực tế sử dụng thì diện tích đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Phan Văn H. Trên thực tế trước đây ông P có sử dụng lối đi này làm công phụ đi cùng với gia đình ông H. Việc sử dụng nhờ đó là do các hộ dân tự thống nhất với nhau không báo cáo chính quyền địa phương. Vì vậy khi ông H không cho ông P sử dụng nên xảy ra tranh chấp. Quan điểm của UBND xã Thuy Liễu đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Ý kiến của NLQ7: Hộ cụ P sử dụng thửa đất số 322, tờ bản đồ số 10 diện tích 1.453m², nguồn gốc do cụ Trần Văn Thế (Bố vợ cụ P) để lại từ năm 1959, đã được UBND huyện Sông Thao (Cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00322 ngày 18/10/1999. Hộ ông Phan Văn H sử dụng thửa số 323A, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.464m², nguồn gốc do cụ Phan Văn Thìn (Bố đẻ ông H) để lại từ năm 1963, đã được UBND huyện Sông Thao (Cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 579231 ngày 18/10/1999. Trên thực tế sử dụng đã từng tồn tại lối đi chung giữa hai hộ. Kiểm tra trên bản đồ giải thửa 299 không thể hiện lối đi chung này. Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/ DS-ST ngày 21/3/2017 Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ Điều 246, khoản 1 Điều 254 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 166 Luật đất đai;

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 3, khoản 5 Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Toà án, Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của cụ Phan Văn P do ông Phan Văn Phùng là người đại diện theo uỷ quyền, về việc khởi kiện anh Phan Văn H đòi quyền sử dụng diện tích đất 82,57m² thuộc thửa đất số 453, tờ bản đồ số 11, nằm trong tổng diện tích 1.487,1m² tại khu 3, xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, để cụ Phan Văn P có lối đi (Có sơ đồ kèm theo, BL số 112).

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Phan Văn H đề nghị được quyền sử dụng diện tích đất 82,57m² thuộc thửa đất số 453, tờ bản đồ số 11, nằm trong tổng diện tích 1.487,1m² tại khu 3, xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ,

- Xác nhận diện tích đất 82,57m² thuộc thửa đất số 453, tờ bản đồ số 11, nằm trong tổng diện tích 1.487,1m² tại khu 3, xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ thuộc quyền sử dụng của anh Phan Văn H.

Bản án còn quyết định về án phí, chi phí thu thập chứng cứ, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/3/2017 ông Phan Văn Phùng kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, lý do: Nguồn gốc lối đi này do bố mẹ ông mở từ năm 1959 trên đất của ông bà ngoại là cụ Trần Văn Thế và cụ Phan Thị Tư cho. Bố mẹ ông sau khi làm nhà xong đã xây dựng chuồng trâu, chuồng bò, mở ngõ đi phục vụ sản xuất có xác nhận của ông Trần Văn Thao - Nguyên Chủ tịch xã những năm 1960, ông Phan Văn Chấn - Nguyên chủ tịch UBMT tổ quốc xã những năm 1960, bà Trần Thị Tài là con gái cụ Thế nguyên là kế toán hợp tác xã, cụ Phạm Thị Tư. Lối đi có từ năm 1959, năm 2009 anh H san lấp xã đã cử người xuống lập biên bản nhưng lại không yêu cầu anh H giữ nguyên hiện trạng. Trong cuộc hoà giải ngày 12/8/2009 các cán bộ xã đều xác nhận là lớn lên đã thấy có ngõ đi. Ngày 30/6/2010 Đoàn thanh tra huyện về làm việc, các cán bộ xã cũng xác nhận khi lớn lên đã thấy có lối đi. Ngõ đi đã tồn tại 50 năm. Bản đồ 299 không thể hiện lối đi, việc sai sót này là do cán bộ địa chính và người vẽ bản đồ. Bản đồ đo vẽ năm 2009 đã tách lối đi này ra là chính xác và diện tích 82,57m² này không nằm trong diện tích đất của cụ Hoà, của anh H nên là lối đi chung. Diện tích đất của cụ Hoà trước là 476 nay là 496m², diện tích của anh H trước là 1.464m² nay là 1.487,1m², diện tích 82,57m² theo bản đồ chỉnh lý lại này không nằm trong diện tích đất trước đây và hiện nay của anh H, không trong diện tích trước đây và hiện nay của cụ Hoà.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Phùng giữ nguyên nội dung kháng cáo. Anh H trình bày lối đi là của riêng gia đình anh có nguồn gốc là đất của cụ Hoà cho. Cụ P đã có cổng khác, lối đi là đi lên đỉnh đồi, không có cánh đồng trên đỉnh đồi. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu quan điểm: Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng về quá trình giải quyết vụ án, về phiên tòa phúc thẩm. Về nội dung: Đất của cụ P, cụ Hoà, anh H đều thừa so với giấy chứng nhận quyền sử dụng. Diện

tích lỗi đi đang tranh chấp không thuộc vào diện tích của gia đình anh H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Đề nghị sửa án sơ thẩm về phần đất này tạm giao cho gia đình anh H quản lý sử dụng và đề nghị với UBND cấp có thẩm quyền hợp thức theo quy định của pháp luật. Về án phí sơ thẩm, đề nghị miễn án phí cho cụ P theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Lỗi đi mà cụ Phan Văn P đang tranh chấp với anh Phan Văn H có diện tích 82,57m². Tính theo trục đường giao thông liên thôn (BL58) thì vị trí lỗi đi tranh chấp này ở giữa thửa đất số 323A của anh H và thửa đất số 321B của cụ Nguyễn Thị Hoà, tờ bản đồ số 10, loại Bản đồ giải thửa 299, tại khu 3, xã Thuy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ (Theo bản đồ VN 2000 là các thửa số 453 và 452, tờ bản đồ số 11). Nguồn gốc thửa đất của anh H hiện nay là của ông Phan Văn Thìn (bố đẻ của anh H đã chết) để lại.

[2] Về nội dung kháng cáo của ông Phùng: Ông Phùng kháng cáo cho rằng lỗi đi là lỗi đi chung của hai gia đình cụ P và anh H (Trước đây là của gia đình ông Thìn- bố anh H) đã có từ năm 1959. Diện tích lỗi đi không nằm trong diện tích đất của hộ anh H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, không phải là đất mà cụ Hoà cho ông Thìn như cụ Hoà xác nhận. Bản đồ 299 không thể hiện lỗi đi là do sai sót của cán bộ địa chính và người đo vẽ bản đồ. Xét thấy:

Bản đồ giải thửa 299 thể hiện: Thửa đất của cụ Hoà là thửa số 321B, diện tích 476m² loại đất vườn. Thửa đất của anh H có số thửa là 323A, diện tích 1.464m², loại đất thổ cư. Thửa đất của cụ P có số thửa là 322, diện tích 1.453m², loại đất thổ cư. Theo chiều đường giao thông liên thôn thì thửa 321B và thửa 323A giáp nhau, giữa hai thửa đất không có lỗi đi. Bản đồ VN 2000 thể hiện: Thửa đất của cụ Hoà (Cụ Hoà đã cho anh Hùng, chị Tính) là thửa số 452, diện tích 496,2m², loại đất LNK. Thửa đất của anh H có số thửa 453, diện tích 1.487,1m², loại đất thổ cư (T). Thửa đất của cụ P có số thửa là 481, diện tích 1.543m², loại đất thổ cư (T). Bản đồ VN 2000 có lỗi đi nhưng chú thích hai thửa đất đang có tranh chấp.

Căn cứ bản đồ 299 cho thấy, theo trục đường giao thông liên xóm thì tiếp theo thửa đất số 323A của anh H là thửa đất số 321B của cụ Hoà, giữa hai thửa đất không có lỗi đi này. Cụ Hoà xác định trước đây có cho ông Phan Văn Thìn đất để làm công đi riêng, không phải cho để mở công đi chung với hộ ông P.

Tại Biên bản họp khu hành chính 3 vào ngày 25/4/2013 (BL số 52) với thành phần cuộc họp gồm đại diện UBND xã, Trưởng khu hành chính và 55 hộ xã

viên của khu. Tại cuộc họp này cụ P cho rằng trong bản đồ 299 của anh H không có đất đó, ông chỉ đi vào đất quốc gia công thổ. Ý kiến của các thành viên cuộc họp nêu cụ P đã có công đi riêng không nên tranh chấp với hộ anh H, đề nghị căn cứ bản đồ 299 để giải quyết tranh chấp công đi giữa gia đình cụ P và gia đình anh H.

UBND xã Thuy Liễu xác định: Diện tích đất đang tranh chấp là 82,57m². Theo bản đồ 299, theo sổ địa chính mà địa phương đang quản lý lưu giữ và thực tế sử dụng thì diện tích đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Phan Văn H. Trên thực tế trước đây ông P có sử dụng lối đi này làm công phụ đi cùng với gia đình ông H. Việc sử dụng nhờ đó là do các hộ dân tự thống nhất với nhau không báo cáo chính quyền địa phương.

Tại Quyết định số: 1970/QĐ-UBND ngày 23/9/2013 của NLQ7, tỉnh Phú Thọ “Về việc giải quyết tranh chấp lối công đi giữa hộ ông Phan Văn P và ông Phan Văn H, khu 3, xã Thuy Liễu, huyện Cẩm Khê” kết luận lối công đi đang tranh chấp do hộ anh H đang sử dụng là do gia đình cụ Hoà cho ông Phan Văn Thìn (Ông Thìn là em rể cụ Hoà và là bố đẻ anh H) sử dụng từ trước đến nay là có cơ sở. Vì trên bản đồ 299 không có lối công đi này, nhưng trên thực địa đối chiếu với bản đồ 299, lối công này nằm hoàn toàn trong thửa đất số 321B, diện tích 476m² đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Hoà.

Không có tài liệu, chứng cứ nào xác định việc lập bản đồ 299 có sự sai sót của cán bộ địa chính và của người đo vẽ bản đồ như cụ P, anh ông Phùng trình bày.

Như vậy, có căn cứ xác định từ trước những năm 1962,1963 đúng là có tồn tại một lối đi ngược lên phía đỉnh đồi mà gia đình cụ P sử dụng theo như cụ P là để phục vụ sản xuất (Đất là đất đồi, theo thế đất thì đất của gia đình cụ P ở phía dưới, đất của gia đình cụ Hoà, anh H ở phía trên). Nhưng lối đi này thuộc vào đất của thửa đất số 321B của cụ Hoà. Khi gia đình ông Phan Văn Thìn về đây sinh sống vào khoảng những năm 1963 thì cụ Hoà đã cho ông Thìn để làm lối công đi. Vào thời những năm 1963 thì lối đi này chỉ là lối mòn đi qua đất của cụ Hoà (Trường hợp lối mòn này đi qua phần đất của ông Thìn thì cũng thuộc vào đất mà theo cụ P thì vợ chồng cụ P cũng đã cho ông Thìn từ những năm 1963 rồi). Gia đình ông Thìn trước đây và sau này là gia đình anh H vẫn sử dụng làm lối đi. Tuy đã có lối đi khác (Công chính) nhưng gia đình cụ P vẫn đi cùng như là lối phụ cho trâu bò đi lại sản xuất. Vì vậy, lối đi này là lối đi của gia đình ông Thìn, không phải đất thuộc quốc gia công thổ, không phải là lối đi chung của hai hộ như cụ P trình bày. Khi đo vẽ bản đồ 299 thì bản đồ không thể hiện, tức là về pháp lý Nhà nước không công nhận có lối đi chung. Bản đồ VN 2000 đo vẽ theo hiện trạng sử dụng đất. Tại thời điểm đo vẽ có tranh chấp nên ghi có tranh chấp. Các hộ sử dụng đất ổn định,

mốc giới không thay đổi, nên nguyên nhân có sự chênh lệch về diện tích là do sai số trong quá trình đo đạc (Trước đo đạc bằng thước tay nay đo đạc bằng máy theo toạ độ). Do đó, Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Phan Văn P là có căn cứ. Vì vậy, kháng cáo không được chấp nhận. (Phần lối đi đang tranh chấp có bản ảnh do UBND xã Thụy Liễu cung cấp).

Tuy nhiên, lối đi không thuộc 1.487,1m² đất của thửa đất 453 mà thuộc đất của thửa đất 321B trước đây (nay là thửa 452, tờ bản đồ số 11) của cụ Hoà đã cho ông Thìn, là lối đi của thửa đất 323A trước đây (nay là thửa 453, tờ bản đồ số 11) của gia đình anh H, nên cấp phúc thẩm sẽ sửa lại bản án cho phù hợp.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Cụ Phan Văn P là người cao tuổi, căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội sẽ sửa phần án phí của bản án sơ thẩm, theo đó miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho cụ P. Việc sửa án phí là vì pháp luật có sự thay đổi.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phùng không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho ông Phùng 200.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn Phùng. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 03/DS-ST ngày 21/3/2017 của TAND huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ về án phí.

Căn cứ Điều 246, khoản 1 Điều 254 của Bộ luật dân sự; Căn cứ Điều 166, Điều 203 Luật đất đai 2013; Căn cứ khoản 1 Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 3, khoản 5 Điều 27, Điều 30 Pháp lệnh án phí lệ phí Toà án, Điều 12, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án, Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của cụ Phan Văn P buộc anh Phan Văn H phải dỡ bỏ hàng rào xây, san gạt lại mặt đường đi để trả lại 82,57m² đất giáp thửa đất số 453, tờ bản đồ số 11, tại khu 3, xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ cho hộ gia đình cụ Phan Văn P có lối đi sản xuất (Có sơ đồ kèm theo - BL số 112).

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Phan Văn H, xác nhận diện tích 82,57m² đất trên là lối đi của thửa đất số 453, tờ bản đồ số 11, tại khu 3, xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình anh Phan Văn H.

Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho cụ Phan Văn P. Hoàn trả lại cho cụ P 200.000đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003725 ngày 11/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả lại cho anh H 200.000đ đã nộp theo biên lai

thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003834 ngày 23/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Văn Phùng không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Phùng 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0003923 ngày 31/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Các Quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND T.Phú Thọ;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Khê;
- TAND huyện Cẩm Khê;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Tiến